

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HC-PT

Ngày: 23/11/2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính và
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự** và ông **Nguyễn Xuân Điền**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thoa** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh** - kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2020/TLPT-HC ngày 06/10/2020, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2020/HC-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa:

* ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Tất V, sinh năm: 1971; địa chỉ: thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định- Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Tất V: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm: 1964, địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk- Có mặt.

* ***Người bị kiện:***

1. Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định.

2. UBND huyện H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu K-Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân P - Phó Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định. (Theo văn bản ủy quyền số 277/GUQ- UBND ngày 20/5/2020) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T, phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Bình Định- Có mặt.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn L - Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định- Có mặt;
 2. Ông Nguyễn Văn A (chết)
 3. Bà Trần Thị P, sinh năm 1969
 4. Chị Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1995
 5. Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1999
 6. Nguyễn Quốc D sinh năm: 2001;
- Địa chỉ: Khu phố Gia Chiếu 1, TT. T, H.H, T.Bình Định.
Người đại diện theo ủy quyền của bà P, chị N, chị H, anh D: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm: 1964, địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk- Có mặt.
Do có kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tất V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo ông Nguyễn Tất V và người đại diện theo ủy quyền của ông V, ông Nguyễn Trường G thống nhất trình bày:

Ngày 26/7/2018, ông V đã làm và nộp hồ sơ gửi UBND thị trấn T xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô đất có diện tích hơn 7000m², lô đất này ông V đang sử dụng và gia đình ông V khai hoang san lấp cải tạo, lô đất có vị trí như sau: phía Đông giáp khu dân cư thôn A, xã A; phía Tây giáp trạm điện huyện H; phía Nam giáp Núi một; phía Bắc giáp đất ruộng. Trên đất có xây dựng nhà ở cùng các công trình phụ như: giếng nước, sân phơi, chuồng heo bò,... diện tích đất còn lại toàn bộ đã được trồng cây lâu năm và có rào bao cố định rõ ràng.

Gia đình ông đã sinh sống, quản lý, sử dụng lô đất này liên tục, ổn định từ năm 1991 đến nay, đất không có tranh chấp, trong quá trình sử dụng gia đình ông không có vi phạm pháp luật, dân cư sinh sống xung quanh đều biết. Tuy nhiên, kể từ ngày nộp hồ sơ, ông đã nhiều lần gửi đơn đến UBND thị trấn T và UBND huyện H, nhưng không được giải quyết, qua nhiều lần khiếu nại thì ông V nhận được công văn trả lời từ chối việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, ông đã khiếu nại đến UBND huyện H, khiếu nại hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện H vào ngày 15/7/2019 Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định ban hành quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung không công nhận yêu cầu của ông V.

Việc UBND huyện H ban hành Quyết định số 2597/QĐ-UBND vào ngày 15/7/2019 là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V, cho nên ông V khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án hủy quyết định trên và yêu cầu UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tất V.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H: Đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện, ông Nguyễn Hữu K – nguyên là Phó Chủ tịch; ông Nguyễn Xuân P - Phó Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định trình bày:

Ngày 10/9/1995, ông Nguyễn Tất V làm đơn xin đất xây dựng nhà ở, được UBND thị trấn T xác nhận ông Nguyễn Tất V chưa có nhà ở và đề nghị UBND

huyện xem xét cho ông V xây dựng nhà ở tại thửa đất số hiệu 829, diện tích 300m², tờ bản đồ số 01, thị trấn T (UBND huyện chưa phê duyệt trong đơn).

Qua kết quả kiểm tra, xác minh: Ông Nguyễn Tất V khiếu nại và yêu cầu UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông tại các thửa đất số hiệu 878, 883, 829, tờ bản đồ số 01, thị trấn T. Qua kiểm tra, xác minh thực tế, ông Nguyễn Tất V đã xây dựng nhà ở, các công trình phục vụ đời sống và trồng các loại cây lâu năm tại thửa đất số hiệu 878 và trồng các loại cây lâu năm khác tại thửa đất số hiệu 883, 829, tờ bản đồ số 01, thị trấn T. Tổng diện tích đất ông V đang sử dụng là 7.055m². Bao gồm:

- Thửa đất số hiệu 878, diện tích 6.485m², trong đó: xây dựng nhà ở và các công trình khác: 288m²; trồng cây lâu năm: 6.197m²;

- Thửa đất số hiệu 883, diện tích: 270m² (đất trồng cây lâu năm), trong đó diện tích đất nằm trong hành lang giao thông tuyến đường từ Trạm điện huyện đi thôn A, xã A 252m², diện tích còn lại 18m²;

- Thửa đất số hiệu 829, diện tích: 300m² (đất trồng cây lâu năm), trong đó diện tích đất nằm trong hành lang giao thông tuyến đường từ Trạm điện huyện đi thôn A, xã A 264m², diện tích còn lại 36m²;

Theo hồ sơ Địa chính được thành lập năm 1998, thì thửa đất số hiệu 878, tờ bản đồ số 01, thị trấn T là loại đất trồng cây lâu năm giao cho Trường Dân tộc nội trú trước đây quản lý sử dụng (nay đã giải thể); thửa đất số hiệu 883, 829, loại đất chưa sử dụng do UBND thị trấn T quản lý.

Qua kiểm tra, xác minh, ông Nguyễn Tất V không xây dựng nhà ở tại thửa đất đã xin có số hiệu 829, mà xây dựng nhà ở và trồng cây lâu năm tại thửa đất số hiệu 878, tờ bản đồ số 01, thị trấn T. Thửa đất này (số hiệu 878) trước đây Nhà nước đã giao cho Trường Dân tộc nội trú sử dụng (nay đã giải thể), nên hiện nay thửa đất số hiệu 878 là nguồn để hình thành hoặc bổ sung cho quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của thị trấn T theo quy định tại Khoản 1, Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ông Nguyễn Tất V không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số hiệu 878, tờ bản đồ số 01, thị trấn T.

Các thửa đất số hiệu 883, 829, tờ bản đồ số 01, thị trấn T, loại đất bằng chưa sử dụng, ông Nguyễn Tất V đã khai hoang sử dụng trồng cây lâu năm đến nay không tranh chấp với ai. Tuy nhiên các thửa đất này sau khi quy hoạch, xây dựng tuyến đường từ Trạm điện huyện H đi thôn A, xã A, diện tích còn lại rất ít (54m²) nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 09 /BC-TNMT ngày 04/7/2019; UBND huyện H ban hành Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tất V là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện cho bên bị kiện trong vụ án hành chính, ông hoàn toàn không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Tất V yêu cầu hủy Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện H về việc giải quyết đơn

kiếu nại của ông Nguyễn Tất V. Kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tất V.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Mai Văn Lên - Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định trình bày:

Ông thông nhất như phần trình bày của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H. Ngoài ra, ông không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

3.2. Bà Trần Thị P, chị Nguyễn Thị Tố N, chị Nguyễn Thị Diệu H, anh Nguyễn Quốc D trình bày:

Bà P, chị N, chị Diệu, anh D thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của người khởi, ngoài ra bà P, chị N, chị Diệu, anh D không có yêu cầu hay trình bày nào khác.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 27/2020/HC-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai ngày 29/11/2013; Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính..
- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tất V yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tất V và buộc UBND huyện H, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tất V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 người khởi kiện ông Nguyễn Tất V kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tất V không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp

hành đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tất V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Quá trình tổ tụng tại tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm; ông Nguyễn Tất V khai diện tích đất 7055m² (thửa đất số 878, số 883 và số 829, tờ bản đồ số 01) tại thị trấn T, là do ông khai hoang, tạo lập, xây dựng nhà ở và quản lý, sử dụng đất liên tục, ổn định từ năm 1991 cho đến nay, không có tranh chấp và không bị xử phạt hành chính. Ngày 10/9/1995, ông V làm đơn xin đất xây dựng nhà ở; đơn xin đất của ông V được UBND thị trấn T đề nghị UBND huyện H giải quyết.

Lời khai của ông V phù hợp với lời khai của các nhân chứng (là những người cùng thôn xóm và liên hệ với nhà ông V đang sinh sống) là ông Nguyễn Tri Phương (Sinh năm 1943), ông Hoàng Công Chính (Sinh năm 1946), ông Nguyễn Kìa (Sinh năm 1938), ông Phan Ngọc Liễu (Sinh năm 1942), ông Nguyễn Bá Hậu (Sinh năm 1939), bà Võ Thị Tuyết Mai (Sinh năm 1935), ông Lê Văn Thương (Sinh năm 1946) và ông Trương Văn Bình (Sinh năm 1938 – Nguyên Đội trưởng Đội sản xuất nông nghiệp) đều có lời khai xác nhận: Năm 1991, ông Nguyễn Tất V và vợ con của ông V khai hoang vùng đất tại thôn G 1, thị trấn T, huyện H; ông V xây nhà tạm để ở và thả dê chăn nuôi, sau đó trồng bạch đàn, keo, chuối...cho đến nay và khi ông V khai hoang đã có Trường dân tộc nội trú...; phù hợp với lời khai của UBND thị trấn T, lời khai UBND huyện H về việc diện tích đất của gia đình ông V đang sử dụng không có tranh chấp và việc gia đình ông V xin đất xây dựng nhà ở và đơn xin đất làm nhà ở của ông V ngày 10/9/1995, được UBND thị trấn T xác nhận: “lô đất thuộc khu đất hoang...” vào ngày 12/9/1995 và trích lục bản đồ kèm theo xác nhận thể hiện là: Đất hoang đồi núi- Phía Tây tiếp giáp với thửa đất trồng bạch đàn (Thửa 877) và Trạm điện của Công ty Điện lực (Thửa 837) như lời khai của các nhân chứng đã thể hiện thửa đất của gia đình ông V hiện đang sử dụng có nguồn gốc là đất hoang hóa và chưa được cá nhân, tổ chức nào quản lý, sử dụng. Mặt khác, theo lời khai của UBND thị trấn T, lời khai UBND huyện H và Quyết định giao đất cho Trường Dân tộc nội trú số 15/QĐ-UB của UBND tỉnh Bình Định thì thửa đất số 878 (thửa đất ông V có nhà ở) được Nhà nước giao cho Trường Dân tộc nội trú sử dụng trồng rừng vào năm 1992 nhưng theo Báo cáo số 160/BC-UBND ngày 04/12/2006 của UBND huyện H cho thấy Trường Dân tộc nội trú không quản lý và sử dụng diện tích đất này: “Trường phổ thông trung học huyện H không trực tiếp quản lý, sử dụng đất...”. Bên cạnh đó, theo ký hiệu loại đất được xác định tại sổ địa chính (lập năm 1998) thì tích đất của thửa đất số 878 là đất trồng cây lâu năm (Trồng cây lâu năm- Ký hiệu LN; Ban hành theo quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục Địa chính) như lời khai của thị trấn T: “Theo hồ sơ địa chính đang lưu trữ thì thửa đất có số hiệu 878, tờ bản đồ số 01 là loại đất trồng cây lâu năm...”, không phải là đất lâm nghiệp (trồng rừng) như Quyết định số 15/QĐ-UB ngày 26/2/1992 của UBND tỉnh Bình Định đã giao

cho Trường Dân tộc nội trú sử dụng.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/7/2020 (*Có sự tham gia của Địa chính và đại diện UBND thị trấn T*) cũng thể hiện gia đình ông V sử dụng đất từ năm 1991.

Do đó, có căn cứ xác định: Diện tích đất 7055m² mà gia đình ông V hiện đang sử dụng (*thửa đất số 878, số 883 và số 829, tờ bản đồ số 01*) tại thị trấn T là do gia đình ông V khai hoang, tạo lập, xây dựng nhà ở và quản lý, sử dụng đất liên tục, ổn định từ năm 1991 cho đến nay, không có tranh chấp và không bị ngăn chặn hoặc xử phạt.

[2] UBND thị trấn T, UBND huyện H và bản án sơ thẩm cho rằng Đơn xin đất làm nhà của hộ ông V được đề nghị xem xét cho ông V xây dựng nhà ở tại thửa đất số 829, tờ bản đồ số 01 nhưng ông V không xây dựng nhà tại thửa đất số 829 mà xây dựng nhà ở, công trình tại thửa đất số 878, tờ bản đồ số 01; diện tích 6.485m² (*nhà ở, công trình khác là 288m² và trồng cây lâu năm là 6197m²*) tại thửa đất số 878 là nguồn hình thành, bổ sung vào mục đích công ích theo qui định tại khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai. Hơn nữa, ông Nguyễn Tất V đã được cân đối giao đất trong hộ của cha ông V là ông nên không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Ngày 10/9/1995, ông Nguyễn Tất V làm đơn xin đất xây dựng nhà ở; theo nội dung đơn cho thấy ông V xin đất để xây dựng nhà ở tại thửa 888, tờ bản đồ số 01 và thửa đất này đang có nhà ở, công trình...nhưng UBND thị trấn T lại xác nhận và đề nghị cho ông V xây dựng nhà ở tại thửa đất số hiệu 829, tờ bản đồ số 01 là không đúng theo đơn xin và thực tế đất của ông V đang sử dụng và đang có nhà ở; quá trình xây dựng nhà ở và công trình trên đất ông V không bị ngăn chặn hoặc xử phạt hành chính nên không thể cho rằng ông V sử dụng đất không đúng theo đơn xin đất xây dựng nhà ở ngày 10/9/1995.

[2.2] Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp của Chính phủ, UBND huyện H giao đất cho hộ ông Nguyễn Văn A (*cha ông Nguyễn Tất V*) là 6.504m²; theo lời khai của người bị kiện và bản án sơ thì ông V đã được cân đối giao đất tại hộ ông A tại xã Ân Đức, huyện H. Tuy nhiên, người bị kiện không cung cấp được hồ sơ cân đối giao đất của hộ ông Nguyễn Văn A (*cho rằng không còn lưu giữ*). Bên cạnh đó, căn cứ để xác định ông V đã được giao đất trong hộ ông A là dựa vào lời khai của 03 người cùng trú tại địa phương với ông Nguyễn Văn A (*Báo cáo xác nhận nhân khẩu- BL 52*) là không đủ cơ sở. Mặt khác, thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP là vào thời gian sau năm 1993 nhưng gia đình ông V đã có nhà ở và sinh sống tại thị trấn T vào năm 1991 (*UBND thị trấn T xác nhận tại đơn xin đất ngày 10/9/1995 là ông V hộ khẩu tại thị trấn T*) và theo lời khai của ông V thì thời điểm giao đất cho hộ ông Nguyễn Văn A, ông V đã có hộ khẩu tại thị trấn T. Do đó, việc cho rằng gia đình ông V đã được cân đối giao đất là không có căn cứ.

[2.3] Theo lời khai của người bị kiện thì diện tích 6.485m² (*thửa đất số 878 theo đo đạc thực tế thẩm định tại chỗ là 6.954m²*) mà gia đình ông V đang sử dụng (*nhà ở, công trình khác là 288m²*) tại thửa đất số 878 là nguồn hình thành, bổ sung vào mục đích công ích theo khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai. Tuy nhiên, theo quy định khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai thì quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục

đích công ích không vượt quá 5% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương nhưng người bị kiện không có chứng cứ để chứng minh diện tích thửa đất số 878 nằm trong 5% diện tích đất sử dụng vào mục đích công ích. Mặt khác, theo quy định tại đoạn 3, khoản 1 Điều 132 Luật đất đai năm 2013; Điều 6, Điều 7 Nghị định số 64/CP thì trường hợp của gia đình ông V thuộc trường hợp được xem xét được giao đất.

Hơn nữa, theo Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất tại huyện H và Văn bản số 04/TN&MT ngày 24/4/2019 của phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hoài ân thì thửa đất số 878, tờ bản đồ số 01 và diện tích $6.485m^2$ mà gia đình ông V đang sử dụng đã được quy hoạch là đất khu dân cư, không còn là là nguồn hình thành, bổ sung vào mục đích công ích theo qui định tại khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai: “*Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Hoài ân. Trong đó có thửa đất số hiệu 878, tờ bản đồ số 01, thị trấn T được phê duyệt đất khu dân cư...*” nên không thuộc các trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì diện tích đất $6.485m^2$ (theo đo đạc thực tế thẩm định tại chỗ là $6.954m^2$) tại thửa đất số 878, tờ bản đồ số 01 thị trấn T, huyện H do gia đình ông V sử dụng phải được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[3] Đối với thửa đất số 883, diện tích $270m^2$ (đất trồng cây lâu năm), trong đó diện tích đất nằm trong hành lang giao thông tuyến đường từ Trạm điện huyện đi thôn A, xã A $252m^2$; diện tích còn lại $18m^2$ và thửa đất số 829, diện tích $300m^2$ (đất trồng cây lâu năm), trong đó diện tích đất nằm trong hành lang giao thông tuyến đường từ Trạm điện huyện đi thôn A, xã A $264m^2$, diện tích còn lại $36m^2$. Do vậy, các thửa đất số hiệu 883, 829, tờ bản đồ số 01 sau khi quy hoạch, xây dựng tuyến đường từ Trạm điện huyện H đi thôn A, xã A, thì diện tích còn lại ($54m^2$) không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V như trả lời của UBND huyện H là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định.

[4] Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tất V về yêu cầu UBND huyện H thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất $6.485m^2$ (nhà ở, công trình khác là $288m^2$ và trồng cây lâu năm là $6197m^2$) tại thửa đất số 878, tờ bản đồ số 01 thị trấn T theo quy định của pháp luật và hủy Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tất V của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định.

[5] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Tất V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Do sửa bản án sơ thẩm nên sửa án phí sơ thẩm cho đúng quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường

Vụ Quốc hội và ông V không có yêu cầu về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên không giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tất V và sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Điều 132 và khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 19 và 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tất V:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2597/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định và Công văn số 11/CV-UBND ngày 02/5/2019 của UBND thị trấn T.

- Buộc UBND huyện H, tỉnh Bình Định thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Tất V đối với diện tích đất gia đình ông V đang thực tế sử dụng tại thửa đất số 878, tờ bản đồ số 01 thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Tất V không phải chịu; được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm do ông V nộp tại biên lai thu số 03700 ngày 27/8/2019 của Cục thi hành án tỉnh Bình Định.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Tất V không phải chịu; được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do ông V nộp tại biên lai số 03861 ngày 06/8/2020 của Cục thi hành án tỉnh Bình Định..

3. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh